

Bản án số: 24/2024/DS-ST

Ngày: 12-4-2024

*“V/v tranh chấp hợp đồng
dân sự về vay tài sản”*

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TRÀ ÔN, TỈNH VĨNH LONG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Hồ Hoàng Phong

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Trần Văn Ân

2. Bà Nguyễn Thị Bé Ngoan

- Thư ký phiên tòa: Bà Huỳnh Ngọc Yến – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Trà Ôn, tỉnh Vĩnh Long.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Trà Ôn, tỉnh Vĩnh Long tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Cẩm Tú – Kiểm sát viên

Ngày 12 tháng 4 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Trà Ôn, tỉnh Vĩnh Long xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 315/2023/TLST-DS ngày 20 tháng 10 năm 2023, về việc *“Tranh chấp hợp đồng dân sự về vay tài sản”* theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 17/2024/QĐXX-ST ngày 01 tháng 3 năm 2024, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Ông Đặng Văn D, sinh năm 1961 “có mặt”.

Địa chỉ cư trú: ấp N, xã Th, huyện H, tỉnh Vĩnh Long.

2. *Bị đơn:*

1.1. Ông Dương M, sinh năm 1961 “vắng mặt”.

2.2. Bà Trần Thị M, sinh năm 1976 “vắng mặt”.

Cùng địa chỉ cư trú: ấp K, xã H, huyện Tr, tỉnh Vĩnh Long.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện ngày 31 tháng 7 năm 2023 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn ông Đặng Văn D trình bày: Do quen biết nên ông có ông Dương M, bà Trần Thị M vay tiền nhiều lần, cụ thể như sau:

+ Lần 1: Ngày 14/01/2021 ông M, bà M vay 190.000.000đồng. Số tiền này là ông M, bà M nhờ ông thế chấp quyền sử dụng đất của ông để vay vốn Ngân hàng để cho ông M, bà M vay lại. Ông M, bà M Cam kết trả cho ông trong thời hạn 24 tháng, nhưng trả nhiều lần bằng hình thức trả góp vốn, lãi hàng tháng theo ấn định của Ngân hàng đến khi trả xong. lãi thỏa thuận theo lãi vay ngân hàng là 27%/năm. Sau khi vay, ông M, bà M không thực hiện đúng như thỏa thuận, ông M chỉ trả được 6.500.000đồng thì ngưng, ông phải trả thay cho Ngân hàng hiện ông còn nợ Ngân hàng vốn 179.000.000đồng và lãi 111.000.000đồng. Tổng cộng vốn lãi 290.000.000đồng và yêu cầu tính lãi tiếp theo lãi của ngân hàng cho vay.

+ Lần 02: Ngày 11/3/2021 ông M, bà M mượn số vàng 04 chỉ 8 phân 03 ly, vàng 18k ra tiệm vàng Kim Ký Triều, địa chỉ chợ Hựu Thành cầm được tổng cộng là 12.000.000đ, thỏa thuận lãi suất 3%/tháng/12.000.000đồng, thời hạn vay 03 tháng trả nhưng ông M, bà M không thực hiện. Ông đã xuất tiền ra chuộc với số tiền vốn 12.000.000đồng và lãi 8.640.000đồng. Tổng cộng 20.640.000đồng.

+ Lần 03: Ngày 12/6/2021 mượn 6.850.000đồng, thời hạn vay 15 ngày sẽ trả lại tiền cho ông nhưng đến nay không trả.

+ Ngày 26/7/2021 mượn 4.000.000đ, sau khi vay thì ông M, bà M chưa trả yêu cầu tính lãi 1.66%/tháng từ ngày 26/7/2021.

Các lần vay ông M có làm biên nhận nợ cho ông.

Như vậy tổng cộng 4 lần vay là 201.850.000đ và lãi suất 123.962.600đồng. Tổng cộng vốn lãi 325.812.600đồng và yêu cầu tính lãi tiếp đến ngày xét xử sơ thẩm trên số nợ vay ngân hàng

- Tại bản tự khai ngày 07/12/2023 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án bị đơn ông Dương M trình bày: Ông và bà M là vợ chồng, cùng hộ khẩu và làm ăn chung. Vợ chồng ông có vay tiền nhiều của ông D cụ thể như sau:

+ Ngày 14/01/2021 vay 190.000.000đồng

+ Ngày 11/3/2021 vay 12.000.000đồng

+ Ngày 12/6/2021 vay 6.850.000đồng

+ Ngày 26/7/2021 vay 4.000.000đồng

Các lần mượn của ông D ông có viết biên nhận cho ông D. Do làm ăn thất bại nên tôi chưa có trả vốn, lãi cho ông D. Sau khi vay ông trả của số tiền vay vốn 190.000.000đ được 3 lần còn nợ lại vốn 183.500.000đồng. Nay theo yêu cầu của ông D thì tôi đồng ý cùng vợ là bà M trả số tiền vốn vốn, lãi tổng cộng 325.812.600đồng.

Sau khi thụ lý đơn của nguyên đơn, Tòa án đã tổng đạt thông báo về việc thụ lý vụ án; thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải cho bị đơn nhưng phía bị đơn bà M không trả lời ý kiến bằng văn bản về nội dung khởi kiện của nguyên đơn và không đến tham gia phiên họp và hòa giải cho nên không tiến hành phiên họp và hòa giải được giữa các đương sự. Tòa án quyết định đưa vụ án ra xét xử và triệu tập các đương sự đến tham gia phiên tòa sơ thẩm nhiều lần nhưng bị đơn bà M vẫn vắng mặt không lý do.

Tại phiên tòa: Nguyên đơn ông D trình bày: Tổng số tiền ông cho ông M, bà M vay 212.850.000đồng, ông M bà M chỉ trả 6.500.000đồng. Còn lại 206.350.000đồng. Ông yêu cầu ông M, bà M trả đến ngày 11/3/2023 là 123.962.600đồng và ông D yêu cầu trả lãi từ ngày 12/3/2023 trên nợ gốc trên số tiền vay vốn ngân hàng cho ông vay là 27%/năm (bằng 2,25%/tháng). Cụ thể $183.500.000\text{đồng} \times 2,25\% \times 13 \text{ tháng} = 53.673.750\text{đồng}$. Tổng cộng 379.486.600đồng.

Bị đơn vắng mặt không lý do.

Vị đại diện Viện kiểm sát phát biểu:

Về tố tụng: Tòa án thụ lý vụ án là đúng thẩm quyền. Quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán và trình tự, thủ tục xét xử của Hội đồng xét xử cũng như những người tham gia tố tụng chấp hành đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn vắng mặt là chưa thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ theo quy định của Điều 70, 72 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung:

Chấp nhận một phần yêu cầu của nguyên đơn ông Đặng Văn D.

Buộc ông Dương M và bà Trần Thị M trả vốn lãi cho ông Đặng Văn D 340.097.000đồng.

Về án phí dân sự sơ thẩm:

Miễn án phí cho ông Đặng Văn D

Buộc ông M, bà M nộp toàn bộ 17.005.000đồng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên tòa, qua kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

Ông Đặng Văn D khởi kiện yêu cầu ông Dương M và bà Trần Thị M, địa chỉ cư trú: ấp K, xã H, huyện Tr, huyện Trà Ôn, tỉnh Vĩnh Long trả tiền vay. Do đó, đây là tranh chấp hợp đồng dân sự về vay tài sản nên theo quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35 của Bộ luật Tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền của Tòa án nhân dân huyện Trà Ôn, tỉnh Vĩnh Long. Do đó, Tòa án nhân dân huyện Trà Ôn, tỉnh Vĩnh Long thụ lý giải quyết theo thủ tục sơ thẩm là đúng thủ tục tố tụng.

Về người tham gia tố tụng: Bị đơn ông Dương M và bà Trần Thị M được Tòa án triệu tập hợp lệ tham gia phiên tòa nhiều lần nhưng vẫn vắng mặt không lý do. Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án xét xử vắng mặt bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan.

[2] Về nội dung:

Xét yêu cầu của nguyên đơn ông D cho rằng ông có cho ông M, bà M vay nhiều lần cụ thể:

- + Vào ngày 14/01/2021 vay 190.000.000đồng.
- + Ngày 11/3/2021 vay 12.000.000đồng.
- + Ngày 12/6/2021 vay 6.850.000đồng.
- + Ngày 26/7/2021 vay 4.000.000đồng.

Tổng cộng 212.850.000đồng và ông M, bà M trả 6.500.000đồng, sự việc vay các lần có biên nhận nợ và được ông M thừa nhận nên sự việc có xảy ra.

Xét tại phiên tòa ông D yêu cầu ông M, bà M trả số tiền vốn còn nợ là 206.350.000đồng và lãi đến ngày 11/3/2023 là 123.962.600đồng và ông D yêu cầu trả lãi tiếp từ ngày 12/3/2023 trên nợ gốc trên số tiền vay vốn ngân hàng cho ông vay là 27%/năm (bằng 2,25%/tháng).

Cụ thể số tiền ông vay vốn Ngân hàng ông M bà M vay lại còn nợ là 183.500.000đồng $\times$ 2,25% $\times$ 13 tháng bằng 53.673.750đồng. Tổng cộng vốn lãi 379.486.600đồng là cao hơn mức lãi suất quy định tại Điều 468 của Bộ luật Dân nên cần điều chỉnh đối với tất cả số tiền theo mức lãi suất thỏa thuận từng lần vay cụ thể:

- Đối với số tiền vay 190.000.000đồng ngày 14/01/2021 có thỏa thuận lãi suất vay theo lãi suất Ngân hàng cho vay là 27%/ năm và số tiền vay 12.000.000đồng ngày 11/3/2021 có thỏa thuận 3%/tháng nên điều chỉnh lại theo lãi suất quy định tại khoản 1 Điều 468 của Bộ luật dân sự 2015 như sau:

+ Số tiền vay 190.000.000đồng tính từ ngày 14/01/2021 đến ngày 12/4/2024 là 38 tháng 28 ngày $\times$ 20%/năm = 123.289.000đồng

+ Số tiền vay 12.000.000đồng tính từ ngày 11/3/2021 đến ngày 12/4/2024 tính tròn 37 tháng $\times$ 12.000.000đồng $\times$ 20% = 7.400.000đồng.

- Đối với số tiền vay ngày 12/6/2021 là 6.850.000đồng và ngày 26/7/2021 4.000.000đồng, không có thỏa thuận về lãi suất thì lãi suất được điều chỉnh theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015 như sau:

+ Số tiền vay 6.850.000đ ngày 12/6/2021 tính từ ngày 12/6/2021 đến 12/4/2024 là 34 tháng $\times$ 10%/ năm = 1.940.000đồng

+ Số tiền vay 4.000.000đồng ngày 26/7/2021 đến ngày 12/4/2024 là 33 tháng 16 ngày $\times$ 10%= 1.118.000đồng.

Như vậy tổng cộng lãi 133.747.000đồng + vốn 212.850.000đồng = 346.597.000đồng trừ đi số tiền bị đơn trả 6.500.000đồng = 340.097.000đồng.

Ông M, bà M là vợ chồng, có đăng ký kết hôn, nợ phát sinh trong thời kỳ hôn nhân của ông M, bà M; mục đích vay là để trị bệnh cho bà M cũng là vay nhằm phục vụ cho nhu cầu đời sống của gia đình nên buộc ông M, bà M liên đới trả số tiền vay vốn lãi còn nợ là 340.097.000đồng là phù hợp Điều 463, 466, 468 của Bộ luật dân sự năm 2015 và Điều 27 của Luật Hôn nhân và gia đình.

[3] Về án phí dân sự sơ thẩm: Ông M thuộc diện người cao tuổi nhưng không có đơn xin miễn án phí nên ông M, bà M phải liên đới nộp khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Ông D phải chịu án phí dân sự sơ thẩm đối với 01 phần lãi yêu cầu không được chấp nhận nhưng ông D thuộc diện người cao tuổi và ông D có đơn xin miễn án phí theo quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 14 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án nên miễn toàn bộ án phí cho ông D.

Xét ý kiến của kiểm sát viên là có căn cứ nên chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26 và điểm a khoản 1 Điều 35; Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Áp dụng Điều 463, 466, 468 của Bộ luật Dân sự 2015; Điều 27 Luật Hôn nhân và gia đình; điểm đ khoản 1 Điều 12, Điều 14; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Chấp nhận một phần khởi kiện của nguyên đơn Đặng Văn D

Buộc ông Dương M và bà Trần Thị M có nghĩa vụ liên đới trả ông Đặng Văn D số tiền 340.097.000đ (ba trăm bốn mươi triệu không trăm chín mươi bảy ngàn đồng).

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm nếu ông M, bà M án chưa trả xong số tiền trên thì phải trả thêm lãi của số tiền còn phải M hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Miễn án phí dân sự sơ thẩm cho ông Đặng Văn D.

Buộc ông Dương M và bà Trần Thị M có nghĩa vụ liên đới nộp 17.005.000đ (mười bảy triệu không trăm lẻ năm ngàn đồng).

Trường hợp bản án, quyết định được M hành theo quy định tại Điều 2 luật M hành án dân sự thì người được M hành án dân sự, người phải M hành án dân sự có quyền thỏa thuận M hành án, quyền yêu cầu M hành án, tự nguyện M hành án hoặc cưỡng chế M hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và Điều 9 Luật

M hành án dân sự; thời hiệu M hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật M hành án dân sự.

Nguyên đơn được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày kể từ ngày tuyên án. Đối với bị đơn vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày niêm yết bản án tại nơi cư trú.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tỉnh Vĩnh Long;
- VKSND huyện T;
- Đương sự;
- Chi cục M hành án huyện T;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

ĐÃ KÝ

Hồ Hoàng Phong